

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/04/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD5	7:25	3+19	0+0		2+20	0+0	
2		TD3	9:25	20	0		22	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ CÁC GIÀN CHỮA CÓ MÁY BAY SẼ VỀ BẰNG TÀU: TD3-3 NG, TD5+BK14-2NG, P4-7NG, P7-4NG, BK10-5NG, RC3-7NG, TTC3-8NG, RP3-16NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/04/2019	TO: TD3 - TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

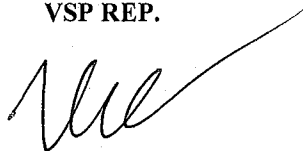
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KODZOEV M.M	TD3	97	1	10		94	KHOAN	Russian
2	AFANASEV I.IU	TD3	94-95	2	20		86	KHOAN	Russian
3	PHẠM VĂN BÁT	TD3	96	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HAI	TD5	76	1	5	55	78	KHOAN	Vietnamese
5	DEMIN	TD5	65	1	10		105	KHOAN	Russian
6	PHẠM VĂN BAO	TD5	84-85	2	14		75	YTE	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG LONG	TD5	74	1	4		75	PSV	Vietnamese
8	TRỊNH DUY THANH	TD5	78	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ ANH NGUYỄN	TD5	77	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN THẾ	TD5	68	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	66	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
12	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	62	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐAM	TD5	27	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
14	BUI MINH TUẤN*PK-PVD	TD5	67	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	61	1	3	60	60	KHOAN	Vietnamese
16	ĐÀO THANH SƠN	TD5	64	1	2		52	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VINH DUY	TD5	79-80	2	7		69	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH ĐỨC	TD5	63	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
19	ĐO HOÀI THANH	TD5	75	1	4	37	71	DVL	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HỮU	TD5	60	1	4		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	3	4	34	254	0	2		
2	TD5	17	19	91	1.203	152	20		
TOTAL		20	23	125	1.457	152	22		
WEIGHT KG				125	1.457	152			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

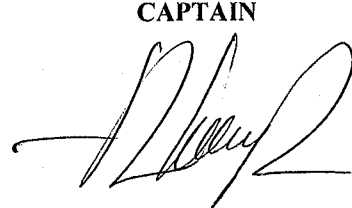
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/04/2019	TO: TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - Luy	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG MINH TOAN	TD3	67	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
2	TRANG NGOC HUNG	TD3	63	1	5	90	63	KHOAN	Vietnamese
3	TRINH DUY SON	TD3	65	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
4	ĐAO TIEN THIET	TD3	62	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
5	LAI THE DAT	TD3	68-69	2	15		90	KHOAN	Vietnamese
6	ĐANG DINH PHUC	TD3	64	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
7	LE MANH THANG	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
8	NGO VAN CHUNG	TD3	58	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN THANG LOI	TD3	66	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
10	VU NGOC TIEN	TD3	72	1	7		70	DVL	Vietnamese
11	LUONG XUAN ĐUOC	TD3	60	1	3		63	PSV	Vietnamese
12	QUACH ĐAC THAN	TD3	73	1	4		50	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NHANH	TD3	77	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG	TD3	70	1	4		70	PSV	Vietnamese
15	PHAM VAN LONG	TD3	74	1	3		23	PSV	Vietnamese
16	HOANG VAN THANG	TD3	59	1	4		50	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN PHU QUANG	TD3	75	1	4		60	PSV	Vietnamese
18	PHAM VAN DUAN	TD3	71	1	5		77	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN HUU NHAN	TD3	76	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	ĐO XUAN CHINH	TD3	61	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	20	20	99	1.307	90	22		
TOTAL		20	20	99	1.307	90	22		
WEIGHT KG				99	1.307	90			

GRAND TOAL: 1.496 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/04/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+RC3+CLO	7:25	5+2+15	0+0+0		3+0+19	0+0+0	
2		P4+P2	7:25	13+9	0+0		9+13	0+0	
3		KL -TD1	7:25	21	0		22	0	
4		JS2	7:25	21	0		22	0	
5		P2+BK5+AMD	9:25	2+9+11	0+0+0		1+4+17	0+0+0	CHUYEN 1 P2-BK5
6		P4	9:25	22	0		22	0	
7		P2+P7	9:25	8+14	0+0		4+18	0+0	
8		RG +P1	9:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
9		P1+P3	11:25	9+13	0+0		5+17	0+0	
10		BK6+P5	11:25	6+13	0+0		4+18	0+0	
11		AMD	11:25	22	0		22	0	
12		BK8+P2	11:25	10+9	0+0		9+13	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
/TẤT CẢ CHUYẾN TẢI KHÁC ĐẶT TÀU CHUYẾN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/04/2019	TO: P7 - RC3 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Thanh - CHIẾN - HIẾU	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯƠNG QUỐC VƯƠNG	P7	48	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH HOÀI NAM	P7	51	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN BÁC	P7	50	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ QUANG HUY	P7	47	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC SƠN	P7	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO VĂN THANH	RC3	01-02	2	8	30	80	CODIEN	Vietnamese
7	VŨ ANH TUẤN	RC3	03	1	5		62	CODIEN	Vietnamese
8	PHAN QUANG HIỀN	CLO	61	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH XUÂN PHÚ	CLO	55-56	2	7		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN DUY	CLO	71-72	2	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH HOÀN	CLO	64	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	57	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KHOA	CLO	60	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	PHÙNG BA TUẤT	CLO	54	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐĂNG BAO	CLO	73	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	ĐO TRƯỜNG GIANG	CLO	63	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ VĂN ĐĂNG	CLO	58	1	4		53	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ MẠNH HÙNG	CLO	65	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN MINH TUẤN	CLO	62	1	4	20	67	KHOAN	Vietnamese
20	BUI XUÂN DUY	CLO	59	1	4	35	65	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN TUYẾT	CLO	67	1	12		65	DVL	Vietnamese
22	DƯƠNG MINH VIỆT	CLO	66	1	5		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	5	5	31	353	0	3		
2	RC3	2	3	13	142	30	0		
3	CLO	15	17	82	1.007	55	19		
TOTAL		22	25	126	1.502	85	22		
WEIGHT KG				126	1.502	85			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/04/2019	TO: P4 - P2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - PTUẤN	ETA: 09:15
CAM-1			

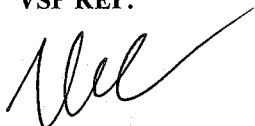
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MARJIEV M. M-C	P4	07	1	10	55	80	KH-THAC	Russian
2	SAGIROV M. S.	P4	01	1	10		70	KH-THAC	Russian
3	PHẠM LÊ NGỌC LONG	P4	12-13	2	14		68	KHI	Vietnamese
4	VŨ VĂN HOA	P4	10	1	7		59	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG HUE	P4	11	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
6	MAI TUẤN KIẾT	P4	04	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN LẬP QUỐC	P4	05	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
8	SOKOLUC C. M.	P4	06	1	7		85	KH-THAC	Russian
9	VLASOVA A. M.	P4					90	KH-THAC	Russian
10	ĐỖ HỮU NAM	P4	03	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN ANH ĐỨC	P4	02	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN VINH	P4	09	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO MINH TUẤN	P4	08	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ DUY TOÀN	P2	08	1	5	35	64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG DŨNG	P2	18	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NG. GIA CHUNG	P2	09	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN CÔNG THÀNH	P2	12-14	3	10		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P2	10	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	16	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	17	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	11	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ NGỌC HÙNG	P2	15	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	13	13	99	960	55	9		
2	P2	9	11	53	597	35	13		
TOTAL		22	24	152	1.557	90	22		
WEIGHT KG				152	1.557	90			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/04/2019	TO: RC6 - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VThắng - Khang - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CONG PHU	RC6	57	1	13	68	70	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH CONG	RC6	55	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
3	HOANG HONG LINH	TD1	11-12	2	8		73	KHOAN	Vietnamese
4	ZHARKOV V.A	TD1	01	1	7		127	KHOAN	Russian
5	BUI VAN LUAN	TD1	03-04	2	11		70	KHOAN	Vietnamese
6	BUI MANH PHUC	TD1	16	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN MANH HUNG	TD1	15	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DINH NAM	TD1	17	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG HUNG	TD1	05	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN THANH TUAT	TD1	08	1	8		53	KHOAN	Vietnamese
11	TRUONG XUAN TRUNG	TD1	09	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
12	NINH DUC THUAT	TD1	06-07	2	13		63	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN HUY QUANG	TD1	22	1	8	94	70	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN QUANG LUONG	TD1	21	1	4		86	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN MANH TIET	TD1	13	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG THUC	TD1	18	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
17	LUU HOANG	TD1	10	1	7		58	NHA THAU	Vietnamese
18	NGUYEN VAN LINH	TD1	14	1	10		67	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VU QUOC	TD1	20	1	10		60	DVL	Vietnamese
20	LE HOAI THIEN	TD1	19	1	13		78	DVL	Vietnamese
21	NHAM DUC TUAN	TD1	28	1	13		70	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN HUU VIET	TD1	02	1	13		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	2	2	23	142	68	0		
2	TD1	20	23	163	1.452	94	22		
TOTAL		22	25	186	1.594	162	22		
WEIGHT KG				186	1.594	162			

GRAND TOAL: 1.942 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/04/2019	TO: JS2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 'TRANG-1A	FROM: VT	CREW: ĐỨC - L Hải - thông	ETA: 09:30

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAPLIYAL ASHOK	JS2	36-37	2	20		80	KHOAN	Indian
2	PHAN CONG NGUYEN	JS2	31	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN HUY DUNG	JS2	06	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN DINH GIAP	JS2	38-39	2	20		83	KHOAN	Vietnamese
5	LE MANH HUNG	JS2	41	1	6	45	74	KHOAN	Vietnamese
6	LE VAN HIEN	JS2	02	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DINH AN	JS2	01	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC HUY	JS2	08-09	2	15		54	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN CHINH CUONG	JS2	40	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN ANH	JS2	07	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
11	TA HONG GIANG	JS2	35	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
12	LE MINH PHAT	JS2	05	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
13	LUU VAN LOI	JS2	16-17	2	14		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN VINH	JS2	15	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN THOM	JS2	03	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
16	LAM QUANG HIEP	JS2	34	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
17	BUI QUOC GIA	JS2	04	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
18	BUI VAN CHUONG	JS2	38	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG CONG THANG	JS2	14	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
20	LE VAN DUNG	JS2	32	1	9		71	KHOAN	Vietnamese
21	LE THANH TU	JS2	30	1	8		71	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

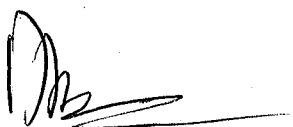
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	21	25	174	1.435	45	22		
TOTAL		21	25	174	1.435	45	22		
WEIGHT KG				174	1.435	45			

GRAND TOAL: 1.654 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/04/2019	TO: P2 - BK5 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Thanh - CHIẾN - HIẾU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH NAM	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN PHÚC ANH ĐÔNG	P2	21	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI HOANG TAM	P2	22	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN TẬP	BK5	48	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	64	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI THẾ DƯƠNG	BK5	05	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỒNG SƠN	BK5	67	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
8	CAO QUANG HÙNG	BK5	69	1	10	50	80	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN MẠNH CƯỜNG	BK5	65	1	5	27	75	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN TOÀN THẮNG	BK5	66	1	10	30	72	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	BK5	49	1	5		60	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN MAI CƯỜNG	BK5					63	PSV	Vietnamese
13	TRƯƠNG THẾ HIỀN	AMD	10	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM THANH BÌNH	AMD	07	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC QUAN	AMD	08	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUANG THANH	AMD	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NHÀ	AMD	02	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	CHU HỮU CHÍNH	AMD	900	1	5	50	52	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM ANH ĐỨC	AMD	03	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGÔ BA THANH	AMD	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH HOANG	AMD	09	1	12		89	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH HÙNG	AMD	04-05	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	3	2	15	205	0	1	1	CHUYỂN 1 P2 SANG BK5
2	BK5	9	8	50	614	107	4		
3	AMD	10	11	77	700	50	17		
TOTAL		22	21	142	1.519	157	22		
WEIGHT KG				142	1.519	157			

GRAND TOTAL: 1.818 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/04/2019	TO: P4	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - PTUẤN	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TRẦN TUẤN AN	P4	26-27	2	7	70	80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẠNG HỒNG VIỆT	P4	21	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	17	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	LAM VĂN PHÚC	P4	28	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN CHIẾN	P4	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN THANH SƠN	P4	36	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
7	LAM XUÂN HAI	P4	19	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯỜNG ĐÌNH MINH	P4	23	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HẢI	P4	25	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI THANH CAM	P4	35	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÌNH VĂN TOÀN	P4	18	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC MINH	P4	24	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN CÔNG TÍNH	P4					67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH NAM	P4	37	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG KHẮC DU	P4	43	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU THANH	P4	33	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	20	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	32	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LẠI MINH HOÀNG	P4	34	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGÔ HOÀN	P4	30-31	2	10		66	YTE	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN AI	P4	22	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	P4	38	1	5		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	23	104	1.529	70	22		
TOTAL		22	23	104	1.529	70	22		
WEIGHT KG				104	1.529	70			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/04/2019	TO: P2 - P7	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: VThắng - Khang - Luy	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ANH VŨ	P2	26	1	12		76	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	28	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ NGHĨA TÀI	P2	24	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VĂN THAI	P2	29	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HÙNG	P2	25	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2	23	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ HUY QUYNH	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ SỸ VANG	P2	27	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
9	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7				29	76	KH-THAC	Vietnamese
10	DOÀN ĐÌNH PHẠC	P7	70	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LÂM ĐĂNG GIANG	P7					75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUÝ TRUNG	P7	68	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P7	71	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH THẢO	P7	78	1	15		70	DVL	Vietnamese
15	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	P7	79-80	2	18		73	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	P7	75	1	15		70	DVL	Vietnamese
17	PHẠM ĐẠI PHONG	P7	68	1	6		68	YTE	Vietnamese
18	ĐÀO TUẤN CHỮ	P7	72	1	3		67	PSV	Vietnamese
19	ĐỖ LY KHÁNH	P7	77	1	5		82	PSV	Vietnamese
20	LÊ HỮU LONG	P7	74	1	3		56	PSV	Vietnamese
21	PHẠM VĂN TÀI	P7	76	1	3		70	PSV	Vietnamese
22	LÊ CHI CƯỜNG	P7	73	1	7		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	7	36	535	0	4		
2	P7	14	13	88	970	29	18		
TOTAL		22	20	124	1.505	29	22		
WEIGHT KG				124	1.505	29			

GRAND TOAL: 1.658 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/04/2019	TO: P1	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: ĐỨC - L Hải - thông	ETA: 11:40
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TSOPANOV A.V	P1	40	1	8		97	KH-THAC	Russian
2	LÊ NGỌC HAI	P1	30	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY HÙNG	P1	48-49	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THẾ VINH	P1	28	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HỮU DŨNG	P1	46-47	2	9		86	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN TRUNG CHÍNH	P1					60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P1	39	1	8	17	70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	34	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ KIẾN TRUNG	P1	42	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM BA NGÂN	P1	29	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	43	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THUY	P1	27	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	44	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ NAM CUÔNG	P1	35	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HOÀNG NHÂN	P1	45	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯƠNG ĐÌNH KHUÊ	P1	38	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ QUANG ANH	P1	50	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THẮNG	P1	36-37	2	12		50	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P1	41	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ HỒNG HAI	P1	31-32	2	16		60	KH-THAC	Vietnamese
21	DUONG CONG AN	P1	33	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG DINH QUE	P1	53	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	25	128	1.530	17	22		
	TOTAL	22	25	128	1.530	17	22		
	WEIGHT KG			128	1.530	17			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/04/2019	TO: P1 - P3	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Thanh - CHIẾN - HIẾU	ETA: 13:30
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ANH SƠN	P1	67-68	2	7		62	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG KIM THANH	P1	66	1	5		60	CODIEN	Vietnamese
3	TRINH HOAI ĐỨC	P1	69	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HUAN	P1	70	1	7		61	CODIEN	Vietnamese
5	VU VĂN TÍNH	P1	71	1	5		71	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TÂM	P1	73	1	10		72	YTE	Vietnamese
7	LÊ TUNG LAM	P1	65	1	5		65	PSV	Vietnamese
8	KIỀU TUẤN ANH	P1	72	1	10		70	DK9	Vietnamese
9	THAI HAI HA	P3	47-48	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VĂN THANH	P3	44	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
11	LÂM TUẤN KHAI	P3				47	65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P3	51	1	5	60	80	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ KHAI ĐẠT	P3	52-53	2	15		92	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG TRUNG	P3	43	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	VĂN MINH TÂN	P3	49-50	2	10		58	KH-THAC	Vietnamese
16	CHAU ĐÌNH TU	P3	46	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN CÔNG THANH	P3	45	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
18	VÕ NGỌC THAI SƠN	P3	60	1	10		67	CODIEN	Vietnamese
19	VU NGỌC CÀNH	P3	58-59	2	12		75	CODIEN	Vietnamese
20	LÊ VĂN QUYÊN	P3	42	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
21	NGUYỄN CÀNH HIỀN	P3	54	1	3		58	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	8	9	54	526	0	5		
2	P3	13	16	89	871	107	17		
TOTAL		21	25	143	1.397	107	22		
WEIGHT KG				143	1.397	107			

GRAND TOAL: 1.647 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/04/2019	TO: BK6 - P5	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - HUY	ETA: 13:35
TIM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN CỨ	BK6	32	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH HAI	BK6	53-54	2	20		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	BK6	52	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔ TIẾN HUNG	BK6	28-29	2	10		78	CODIEN	Vietnamese
5	LÊ HỮU TUƠNG	BK6	30-31	2	8		56	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC AN	BK6	51	1	4	40	58	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	78	1	10	65	79	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔNG XUÂN SINH	P5					63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	84	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	86	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MINH THANH	P5	87	1	3		54	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	82	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI TRỌNG NGHĨA	P5	83	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN CAO MẠNH	P5	88-89	2	9		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SƠN	P5	76-77	2	19		75	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC TUẤN	P5	85	1	8		78	PSV	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TÍNH	P5	81	1	5		68	PSV	Vietnamese
18	HOANG NGỌC HOA	P5	79-80	2	15		65	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT HUNG	P5	94	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	6	9	58	398	40	4		
2	P5	13	15	98	904	65	18		
TOTAL		19	24	156	1.302	105	22		
WEIGHT KG				156	1.302	105			

GRAND TOAL: 1.563 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/04/2019	TO: AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Khang - XHOÀN - Toan	ETA: 13:40
CAM-3			

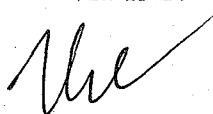
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THÀNH DANH	AMD	23-24	2	8	90	62	KH-THAC	Vietnamese
2	HA VAN THUY	AMD	16	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG VIỆT	AMD	32-33	2	11		71	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐO VIỆT PHƯƠNG	AMD	15	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐÌNH TUẤN	AMD	19	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG ANH SON	AMD	26	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	38	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG KIEN	AMD	36	1	11		87	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN DUY PHƯƠNG	AMD	21	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG MINH ĐỨC	AMD	37	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	AMD	34-35	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN PHONG	AMD	18	1	7		79	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NGHỆ	AMD	20	1	6		72	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THỊ	AMD	28	1	4		61	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC THỊNH	AMD	17	1	2		64	PSV	Vietnamese
17	PHAN VĂN HÒA	AMD	30	1	3		70	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN THIÊN	AMD	27	1	7		65	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	AMD	14	1	3		56	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	31	1	4		62	PSV	Vietnamese
21	PHẠM TUẤN THANH	AMD	25	1	5		74	PSV	Vietnamese
22	TRẦN CAO TẠNG	AMD	29	1	5		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	25	141	1.516	90	22		
TOTAL		22	25	141	1.516	90	22		
WEIGHT KG				141	1.516	90			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/04/2019	TO: BK8 - P2	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:10
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: L Hải - KHAI - thông	ETA: 13:50
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐỨC	BK8	21	1	11	178	80	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HỒNG LINH	BK8	23	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG PHONG	BK8	25	1	11		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC TRÍ	BK8	26	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	CAO VĂN ĐÀU	BK8	20	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO VĂN MÂY	BK8	24	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VIỆT CƯỜNG	BK8	27	1	3		54	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HOANG GIANG	BK8	18	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN THỊNH	BK8	22	1	10		62	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NHÂN	BK8	19	1	6		65	PSV	Vietnamese
11	HA VĂN NIN	P2	14	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TÂN	P2	10-11	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	16	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ CHÈ LINH	P2	15	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG TÂN QUÂN	P2	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI TRẦN VIỆT	P2	13	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CÔNG LƯU	P2	12	1	10	6	69	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VĂN SƠN	P2	08	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	10	10	75	700	178	9		
2	P2	8	9	61	542	6	13		
TOTAL		18	19	136	1,242	184	22		
WEIGHT KG				136	1,242	184			

GRAND TOAL: 1.562 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN